

Số: 118 /KH-UBND

Hải Phòng, ngày 13 tháng 4 năm 2023

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2021-2025

Thực hiện Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố giai đoạn 2021-2025 với nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

Quán triệt và tổ chức thực hiện hiệu quả nội dung vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới, góp phần tạo ra môi trường sống ở nông thôn an toàn và bền vững; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống; góp phần bảo vệ sức khỏe, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn, đưa nông thôn trở thành nơi đáng sống nhằm thực hiện các mục tiêu cụ thể đến năm 2025, cụ thể như sau:

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung đạt 100%; cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân ≥ 100 lít/người/ngày đêm.

- 100% chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được phân loại tại nguồn; 98% lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại khu dân cư nông thôn tập trung được thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý tập trung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

- Ít nhất 50% số hộ nông thôn có nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng các biện pháp phù hợp, hiệu quả; 50% số đơn vị cấp huyện có triển khai mô hình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phi tập trung theo cụm hoặc theo khu vực phù hợp, hiệu quả.

(Handwritten mark)

- Ít nhất 80% chất thải chăn nuôi phải được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường.

- Ít nhất 80% phụ phẩm nông nghiệp phải được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường.

- Có 100% bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng được thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- Có 100% chất thải rắn và 50% nước thải sản xuất của các làng nghề truyền thống được thu gom và xử lý theo quy định.

- Ít nhất 35% số huyện có đề án cải tạo chất lượng môi trường nước mặt khu vực công cộng và có mô hình xây dựng hoặc cải tạo cảnh quan ao hồ.

- Có 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm; 80% số xã có tổ cộng đồng tự quản về vệ sinh an toàn thực phẩm.

- 100% hộ gia đình nông thôn và trường học, trạm y tế có nhà tiêu hợp vệ sinh được xây dựng và quản lý sử dụng đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn.

2. Yêu cầu

Xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu để các Sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, xã xây dựng, rà soát, hoàn thiện các đề án, kế hoạch hành động, quy hoạch có liên quan theo các nội dung của Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2021-2025.

II. NỘI DUNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Cấp nước sạch nông thôn

a) Rà soát, điều chỉnh và cập nhật nội dung cấp nước sạch nông thôn vào quy hoạch nông thôn, đảm bảo cấp nước sinh hoạt nông thôn bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, suy thoái nguồn nước.

b) Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sạch tập trung đã có (trong đó tập trung nâng cấp công nghệ xử lý chất lượng nước, nâng công suất, mở rộng mạng lưới cấp nước, ổn định nguồn nước khai thác trong điều kiện ảnh hưởng của thiên tai và biến đổi khí hậu).

2. Chất thải rắn sinh hoạt

a) Hỗ trợ kỹ thuật, trang thiết bị, chế phẩm sinh học để thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại hộ gia đình; xây dựng và triển khai mô hình phân loại, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với các địa bàn có mật độ dân cư khác nhau và mục đích sử dụng chất thải sau phân loại.

b) Tổ chức mạng lưới thu gom triệt để và hiệu quả; hình thành và hoàn thiện các phương thức thu gom phù hợp với đặc thù của từng địa phương; bố trí và đầu tư hạ tầng các điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phù hợp; trang bị các phương tiện, trang thiết bị lưu chứa rác tại khu vực công cộng đảm bảo thuận tiện, thân thiện môi trường và mỹ quan.

c) Xây dựng, triển khai và hoàn thiện mô hình liên kết thị trường để thu hồi, sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm tái chế, tái sử dụng từ chất thải (như sản phẩm phân bón hữu cơ...).

d) Đầu tư xây dựng để đưa vào vận hành: 01 nhà máy xử lý chất thải rắn bằng công nghệ đốt rác phát điện; khu xử lý chất thải rắn tại huyện Bạch Long Vĩ; 02 khu xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động xây dựng.

3. Nước thải sinh hoạt

a) Rà soát, xây dựng phương án tổ chức thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt, lồng ghép trong quy hoạch xây dựng nông thôn của xã và triển khai thực hiện các công trình thoát nước, xử lý nước thải sinh hoạt theo phương án đã được xây dựng.

b) Xây dựng và nhân rộng các mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn phù hợp với đặc thù của từng địa phương.

c) Triển khai thí điểm một số mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn áp dụng công nghệ sinh thái, chi phí thấp; mô hình thu phí xử lý nước thải sinh hoạt ở khu dân cư nông thôn.

4. Chất thải và phụ phẩm nông nghiệp

a) Xây dựng và nhân rộng các mô hình xử lý chất thải chăn nuôi và phụ phẩm nông nghiệp theo hướng tuần hoàn chất thải cho mục đích sản xuất nông nghiệp và các mục đích khác.

b) Mô hình cung cấp, trao đổi chất thải chăn nuôi để hình thành thị trường trao đổi chất thải hoặc chuyển giao cho đơn vị sản xuất các loại phân hữu cơ.

c) Xây dựng và nhân rộng mô hình quản lý chất thải nhựa trong sản xuất nông nghiệp.

5. Bao gói thuốc bảo vệ thực vật

a) Đầu tư trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng theo đúng quy định của pháp luật.

b) Hoàn thiện và nhân rộng các mô hình quản lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng phù hợp với điều kiện từng địa phương.

6. Bảo vệ môi trường làng nghề

100

a) Hỗ trợ đầu tư, nâng cấp, xây dựng và vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn phù hợp đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường với từng làng nghề truyền thống, tập trung vào nhóm các làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm, chăn nuôi.

b) Hỗ trợ xây dựng mô hình khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề bị ô nhiễm nghiêm trọng; xử lý ô nhiễm các khu vực làng nghề đã bị ô nhiễm nghiêm trọng sau khi di dời cơ sở sản xuất.

7. Cảnh quan môi trường nông thôn

a) Xây dựng, phê duyệt và triển khai thực hiện đề án cấp huyện về cải tạo chất lượng và cảnh quan môi trường nước mặt khu vực công cộng; tổ chức theo dõi diễn biến chất lượng nước ao, hồ công cộng nằm trong khu dân cư nông thôn; cải tạo cảnh quan và khôi phục chất lượng môi trường nước khi bị ô nhiễm.

b) Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình cải tạo cảnh quan theo hướng đa chức năng; tăng cường trồng cây xanh tại các khu vực công cộng, tuyến đường giao thông; gắn xây dựng cảnh quan với phát triển du lịch nông thôn và xây dựng đời sống văn hóa cơ sở.

8. An toàn thực phẩm nông lâm thủy sản

a) Các xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao có các mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ.

b) Hỗ trợ xây dựng các mô hình chợ an toàn thực phẩm quy mô cấp huyện, liên huyện đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh và an toàn thực phẩm.

c) Tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực giám sát của cộng đồng về an toàn thực phẩm; phát triển các tổ cộng đồng tự quản về vệ sinh an toàn thực phẩm; tuyên truyền, tập huấn, nâng cao nhận thức và năng lực về tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm cho chủ thể sản xuất.

9. Công tác vệ sinh

a) Từng bước xóa bỏ nhà tiêu không hợp vệ sinh, chấm dứt đi vệ sinh ngoài trời, chú trọng vệ sinh an toàn cho phụ nữ và các đối tượng dễ bị tổn thương, tiếp cận vệ sinh cho người khuyết tật; huy động, vận động hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo xây dựng, sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

b) Hoàn thiện, phổ biến và nhân rộng các mô hình nhà tiêu hợp vệ sinh đơn giản, ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu, phù hợp tập quán địa phương và khả năng chi trả của người dân; áp dụng thí điểm mô hình nhà vệ sinh đa năng tại một số trường học, nhà văn hóa, công sở.

III. PHẠM VI THỰC HIỆN

1. Thời gian: thực hiện đến hết năm 2025.

2. Phạm vi thực hiện: Triển khai trên phạm vi các xã tham gia Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố.

IV. GIẢI PHÁP

1. Truyền thông và nâng cao năng lực

a) Chuyển đổi tư duy nhận thức, kiến thức, pháp luật, hành động của người dân, cán bộ nông thôn mới các cấp về các tác động của môi trường, an toàn thực phẩm, nước sạch đến sức khỏe của con người và các hoạt động sản xuất.

b) Đa dạng hóa các hình thức truyền thông về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn, phát huy hiệu quả của truyền thông đa phương tiện, mạng xã hội và các hình thức truyền thông mới; xây dựng các chương trình chuyên đề, chuyên mục định kỳ về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn, phát sóng định kỳ trên các đài truyền hình, truyền thanh, báo viết, báo điện tử.

c) Phát động các phong trào thi đua chuyên đề để biểu dương, tôn vinh, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, có giải pháp, sáng kiến nhằm giảm thiểu ô nhiễm, cải thiện môi trường, đảm bảo an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn; tổ chức các cuộc thi nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp.

d) Đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên tại cộng đồng về công tác bảo vệ môi trường nông nghiệp, nông thôn và vận hành các công trình cấp nước và xử lý chất thải.

đ) Xây dựng các bộ sản phẩm truyền thông mẫu, thiết kế mẫu về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn.

2. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách

a) Xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách về huy động nguồn lực, quản lý, vận hành công trình cấp nước sạch và công trình xử lý chất thải trên cơ sở hợp tác công - tư.

b) Xây dựng và hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành và quản lý cộng đồng trong bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn; lồng ghép vào các hương ước, quy ước, quy chế của địa phương; quy chế để vận hành hiệu quả các mô hình, công trình cấp nước sạch và bảo vệ môi trường nông thôn.

c) Rà soát, hoàn thiện các chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ về bảo vệ môi trường nông thôn, cấp nước sạch và an toàn thực phẩm cho các vùng đặc thù và vùng khó khăn.

d) Xây dựng và triển khai cơ chế, chính sách đặc thù trong sản xuất phân hữu cơ, tái chế và tái sử dụng chất thải.

đ) Rà soát, hoàn thiện các chính sách về quy hoạch và quản lý đất đai liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường, cấp nước sạch và an toàn thực phẩm; rà soát, hoàn thiện quy hoạch nông thôn của các xã, huyện theo hướng tích hợp các nội dung về bảo vệ môi trường, cấp nước sạch và an toàn thực phẩm; chủ động bố trí quỹ đất phục vụ cho các công trình nước sạch, bảo vệ môi trường trong kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

3. Khoa học công nghệ

a) Rà soát, cập nhật, chuyển giao và ứng dụng công nghệ về cấp nước và bảo vệ môi trường phù hợp với điều kiện của địa phương theo hướng giảm chi phí đầu tư và vận hành, kỹ thuật vận hành đơn giản, thân thiện với môi trường; ưu tiên lựa chọn các công nghệ sản xuất trong nước, công nghệ hiện đại, tuần hoàn và thân thiện với môi trường.

b) Rà soát, xây dựng và ban hành quy chuẩn, tiêu chuẩn và các định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá về bảo vệ môi trường, cấp nước sạch và an toàn thực phẩm.

c) Tăng cường chuyển đổi số trong thực hiện các nội dung của Chương trình; lồng ghép việc triển khai xây dựng các mô hình về bảo vệ môi trường, cấp nước sạch và an toàn thực phẩm trong Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

4. Huy động nguồn lực

a) Rà soát, hoàn thiện các chính sách huy động nguồn lực về xã hội hóa bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn phù hợp với điều kiện đặc thù của mỗi khu vực; cơ chế huy động đóng góp của người sử dụng nước và các nguồn lực trong bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn.

b) Cân đối kinh phí từ nguồn chi thường xuyên của các địa phương, các chương trình mục tiêu quốc gia, vốn ODA, các dự án hợp tác quốc tế, đối ứng vốn vay, các chương trình, dự án, đề án khác cho thực hiện Chương trình; ưu tiên kinh phí phân bổ ngân sách cho việc thực hiện các nhiệm vụ dựa vào cộng đồng, triển khai tại các xã khó khăn và các địa phương đặc thù về kinh tế, xã hội.

c) Ưu tiên tiếp cận nguồn vốn từ Quỹ Bảo vệ môi trường, vay tín dụng với lãi suất ưu đãi, mở rộng biên độ cho vay, kéo dài thời gian vay vốn cho đầu tư xây dựng công trình về bảo vệ môi trường và cấp nước sạch nông thôn.

d) Tăng cường hoạt động chia sẻ, trao đổi thông tin về việc xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình với các quốc gia, tổ chức quốc tế; chuyển giao và ứng dụng công nghệ mới, đào tạo nguồn nhân lực thực hiện Chương trình.

5. Phát huy vai trò của doanh nghiệp, cộng đồng dân cư, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội

a) Phát huy vai trò của doanh nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội trong phối hợp với chính quyền tham gia xây dựng, vận hành các công trình, hệ thống, mô hình về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trên cơ sở quy chế phối hợp, phân công trách nhiệm và cơ chế tài chính rõ ràng, minh bạch và có sự đồng thuận cao; khuyến khích hình thành các hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ, đội, nhóm bảo vệ môi trường đứng ra đảm nhận quản lý, vận hành mô hình bảo vệ môi trường sau đầu tư tại địa phương.

b) Cộng đồng dân cư, các tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn xây dựng quy chế, hương ước, quy ước có nội dung cụ thể, rõ ràng; giám sát sử dụng các công trình của người dân địa phương.

c) Phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng và người dân trong công tác tuyên truyền, giám sát, phản biện về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn.

d) Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng và phát triển mạng lưới tuyên truyền viên bảo vệ môi trường cấp cơ sở.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn vốn thực hiện Chương trình bao gồm:

- Vốn ngân sách trung ương của Chương trình được bố trí trong kế hoạch vốn ngân sách trung ương của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

- Vốn ngân sách địa phương.

- Vốn xã hội hóa (các doanh nghiệp, hợp tác xã, các loại hình kinh tế khác, cộng đồng dân cư...).

- Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác.

- Vốn huy động hợp pháp khác.

2. Kinh phí quản lý, giám sát thực hiện Chương trình:

Được trích từ nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được giao hàng năm.

3. Cơ chế tài chính của Chương trình:

Thực hiện theo cơ chế tài chính của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và các quy định của pháp luật hiện hành.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm tham mưu, theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện và các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch; tổng hợp nhu cầu, dự kiến phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện các nội dung, nhiệm vụ thuộc Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn thành phố Hải Phòng và kế hoạch hàng năm; theo dõi, đôn đốc, giám sát.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố định kỳ báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tình hình triển khai thực hiện; đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung Kế hoạch; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch này.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan hướng dẫn thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới; hướng dẫn, đôn đốc Ủy ban nhân dân các huyện thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về quản lý chất thải rắn tại Kế hoạch số 260/KH-UBND ngày 21/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn nông thôn; xử phạt nghiêm minh các hành vi gây ô nhiễm môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn và kiểm tra, giám sát các địa phương triển khai thực hiện Chương trình theo đúng tiến độ và quy định hiện hành.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn các công nghệ bảo vệ môi trường, ứng dụng trên địa bàn các xã tham gia Chương trình xây dựng nông thôn mới.

3. Sở Y tế

Triển khai các nhiệm vụ về công tác vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân; xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn; thẩm định, hỗ trợ chuyển giao các công nghệ tiên tiến phù hợp, thân thiện với môi trường; phối hợp với các ngành liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức lập, thực hiện kế hoạch xây dựng

quy chuẩn kỹ thuật địa phương liên quan đến bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn.

- Tăng cường chuyển đổi số trong thực hiện các nội dung của Kế hoạch; lồng ghép việc triển khai xây dựng các mô hình về bảo vệ môi trường, cấp nước sạch và an toàn thực phẩm trong Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tổng hợp nhu cầu, dự kiến phân bổ kinh phí đầu tư công thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trong Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và hàng năm trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo đúng quy định và phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách thành phố.

6. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tổng hợp nhu cầu, dự kiến phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình trong kế hoạch kinh phí sự nghiệp của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và hàng năm đề trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phù hợp với khả năng cân đối ngân sách thành phố.

7. Các Sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ chủ động tổ chức triển khai có hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới; khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế trong thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025.

8. Phát huy vai trò của doanh nghiệp, cộng đồng dân cư, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội

- Đề nghị Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng và người dân phát huy vai trò, trách nhiệm trong công tác tuyên truyền, giám sát, phản biện về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn.

- Đề nghị doanh nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội trong phối hợp với chính quyền tham gia xây dựng, vận hành các công trình, hệ thống, mô hình về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn.

9. Chế độ báo cáo

Định kỳ hàng năm các Sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch về Ủy ban nhân dân thành phố *trước ngày 15/11 hàng năm*. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố *trước ngày 01/12 hàng năm*.

Trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện Kế hoạch, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh cần sửa đổi, bổ sung, các Sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, xã phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết kịp thời. /.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND TP;;
- UB MTTQVN TP;
- Các Hội đoàn thể thành phố;
- Các Sở, ngành TP;
- UBND các huyện;
- C, PVP UBND TP;
- Các Phòng: NNTNMT, NC&KTGS;
- CV: NN;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Thọ